VỀ CÁC PHƯƠNG THỨC CẤU TẠO TỪ TRONG TIẾNG VIỆT TỪ GÓC ĐỘ NHẬN THỨC VÀ BẢN THỂ
(Kì I)

GS.TS NGUYỄN ĐỨC TỒN

1. Phương thức cấu tạo từ là "cách thức mà ngôn ngữ học tác động vào hình vị để cho ta các từ" [6, 25]. Theo Đỗ Hữu Châu, "tiếng Việt sử dụng ba phương thức sau đây: từ hoá hình vị, ghép hình vị và láy hình vị" [6, 25]. Trong số 3 phương thức cấu tạo từ trong tiếng Việt nêu trên, phương thức ghép được tất cả các nhà nghiên cứu Việt ngữ học ở trong và ngoài nước thừa nhận, không có ai nghi ngờ (xem [2, 43,51,65,73,359]; [4, 17,22]; [6, 51,52]; [7, 198,201]; [9, 4,12]; [10, 173,174]; [14, 73]; [26, 15]; [27, 59]; [28, 7,17,18,90, 300]; [29, 25]; [30, 56,61]; [34, 164, 168]; [37, 6]; [38, 13,14]; [40, 92]; [41, 18,19]; [47, 42]. Quan điểm của chúng tôi cũng như vậy. Riêng phương thức được gọi là "từ hoá hình vị" là phương thức được Đỗ Hữu Châu đưa ra đầu tiên và định nghĩa: "*Từ hoá hình vị* là phương thức tạo từ tác động vào bản thân một hình vị làm cho nó có những đặc điểm ngữ pháp và ý nghĩa của từ, biến hình vị thành từ mà không thêm bớt gì cả vào hình thức của nó. Những từ như: *nhà, xe, áo, người, phanh, mì chính, lốp* (*xe đạp*) là những từ hình thành do sự từ hoá các hình vị *nhà, xe, áo, người, phanh, mì chính,...*" [6, 25]. Sau này Hoàng Văn Hành đã tiếp thu ý kiến của Đỗ Hữu Châu và định nghĩa: "*Từ hoá hình vị* là quá trình cấu tạo từ mà trong đó hình vị được cấp những đặc trưng nào đó về ngữ âm, ngữ nghĩa và ngữ pháp theo những quy tắc nhất định để thành từ đơn" [20, 21]. Ngoài ra hầu như không còn tác giả có tên tuổi nào khác ở trong và ngoài nước đề cập đến phương thức cấu tạo các từ đơn trong tiếng Việt, nghĩa là họ đã coi các từ do một âm tiết tạo thành là mặc nhiên, không cần phải bàn đến phương thức cấu tạo của chúng. Đối với các tác giả có quan điểm cho rằng trong tiếng Việt, mỗi âm tiết tạo thành một từ, chẳng hạn, M.B. Emeneau [53] và sau này là Nguyễn Thiện Giáp [15, 69], thì vấn đề phương thức cấu tạo từ không được đặt ra.

Theo quan điểm của chúng tôi, cái gọi là "phương thức từ hoá hình vị" được Đỗ Hữu Châu đưa ra đối với các từ đơn tiết trong tiếng Việt chỉ là mĩ từ cốt để có đủ các phương thức cấu tạo cho các loại từ được

tác giả thừa nhận trong tiếng Việt mà thôi: từ đơn, từ ghép, từ láy. Chẳng lẽ có từ đơn mà lại không có phương thức tạo ra!? Thực ra, theo nội hàm khái niệm được biểu hiện bằng các thuật ngữ *từ* và *hình vị* trong ngôn ngữ học phương Tây, bản thân một âm tiết nếu đã mang đầy đủ ý nghĩa từ vựng nên có thể sử dụng tự do trong câu và có thể làm thành phần câu thì tự nó đã có phẩm chất của một *từ* rồi mà chẳng cần phương thức nào tạo ra. Đó là phẩm chất *từ* của loại âm tiết này. Trong tiếng Việt, ngoài loại âm tiết có phẩm chất của *từ* như thế, còn có loại âm tiết chỉ mang phẩm chất của *hình vị*.

Theo chúng tôi, trong trường hợp này, cần chú ý phân biệt hai bình diện nhận thức và bản thể của âm tiết tiếng Việt. Cụ thể là khả năng có thể hành chức một mình như một *từ* hay khả năng chỉ có thể hành chức như một *hình vị* - đó là những thuộc tính thuộc bản thể của âm tiết tiếng Việt. Còn việc coi âm tiết đó là từ hay hình vị hoàn toàn thuộc nhận thức của cá nhân nhà nghiên cứu. Bằng chứng là cùng một âm tiết, có người cho là từ, có người chỉ cho là hình vị. Chẳng hạn như các âm tiết là các từ Việt cổ nay không còn sử dụng độc lập (như *chiền* trong *chùa chiền*, *han* trong *hỏi han*...), hay các âm tiết Hán Việt, các âm tiết Ấn Âu trong tiếng Việt không hành chức độc lập, tự do trong câu, được tuyệt đại đa số các nhà nghiên cứu chỉ coi là hình vị, còn M.B. Emeneau và Nguyễn Thiện Giáp lại coi là từ. Đặc biệt là các kết hợp song tiết trong tiếng Việt kiểu như: *hoa hồng, sân bay, áo dài, tai hồng, đường băng, máy bay,*... nhiều người coi là từ ghép, song nhiều người khác lại cho đó là các tổ hợp cố định... Trong thực tế truyền thống ngữ văn cổ điển của Việt Nam cũng không hề có cái tên gọi hay khái niệm "từ" mà chỉ có các tên gọi hay khái niệm "tiếng" hoặc "tự" (chữ) mà thôi, mặc dù các thực thể đơn vị ngôn ngữ ấy vẫn tồn tại từ xưa đến giờ. Vả lại, khi một âm tiết nào đó đã có thuộc tính bản thể là từ thì người ta cũng chẳng cần phải sử dụng phương thức tạo từ nào đó tác động vào bản thân âm tiết - hình vị ấy để "*làm cho nó có* những đặc điểm ngữ pháp và ý nghĩa của từ, biến hình vị thành từ mà không thêm bớt gì cả vào hình thức của nó" [6, 25], hay cũng không cần (trong trường hợp âm tiết đã vốn là từ) và cũng không thể (trong trường hợp âm tiết chỉ là hình vị, không thể là từ) "cấp (cho âm tiết là hình vị - NĐT chú thêm) những đặc trưng nào đó về ngữ âm, ngữ nghĩa và ngữ pháp theo những quy tắc nhất định để thành từ đơn" [20, 21].

Thiết nghĩ ở đây cũng cần phải nhớ lại luận điểm triết học sau: "Thuộc tính của sự vật *chỉ được bộc lộ* trong quan hệ với sự vật khác chứ *không phải được sinh ra hay được tạo ra* trong quan hệ với sự vật khác"! Điều này có nghĩa là khi một âm tiết vốn đã có thuộc tính bản thể là từ thì nó sẽ bộc lộ thuộc tính ấy trong quan hệ với các từ khác khi được sử dụng, nghĩa là nó có thể tự do kết hợp với các từ khác và làm thành phần nào

đó trong câu tuỳ theo nội dung ý nghĩa và mục đích giao tiếp, chứ không phải là khi âm tiết này nằm trong quan hệ khi kết hợp với các âm tiết khác trong câu thì nó mới có, mới "được cấp cho" phẩm chất là một từ!

Do đó có thể khẳng định trong số các phương thức cấu tạo từ của tiếng Việt không hề có cái gọi là "phương thức từ hoá hình vị"!

2. Còn đối với cái gọi là "phương thức cấu tạo từ láy" thì sao? Trong tiếng Việt có hay không các "từ láy" và cái phương thức cấu tạo từ này?

Để tiện theo dõi, chúng tôi xin liệt kê ra đây tất cả các loại kết hợp âm tiết có liên quan đến hiện tượng xưa nay được các nhà Việt ngữ học coi là "từ láy", để từ đó chứng minh tất cả chúng đều không phải là từ láy thực thụ trong tiếng Việt.

a) *xinh → xinh xinh;*

xanh → xanh xanh...

b) *đỏ → đo đỏ;*

nhẹ → nhè nhẹ;

con → còn con...

c) *ắp → ăm ắp;*

sát → san sát...

d) *luôn luôn, dần dần, thường thường...*

e) *rầm rầm, oang oang, đoàng đoàng, choang choang...*

g) *vỗ về, lúng túng, nhỏ nhắn, luẩn quẩn, tủm tỉm, loanh quanh, mũm mĩm, lệnh khệnh...*

Các trường hợp từ a) đến e) xưa nay được các nhà nghiên cứu (dù có chủ trương phân biệt *dạng láy* của từ với *từ láy* hay không) đều coi là từ láy toàn bộ, còn các trường hợp ở g) là từ láy bộ phận. Chúng ta sẽ lần lượt phân tích cụ thể từng trường hợp.

Trước hết là các trường hợp: a) *xinh xinh, xanh xanh*...; b) *đo đỏ, nhè nhẹ*...; c) *ăm ắp, san sát*,... Đây đích thị chỉ là những **dạng láy** của một yếu tố gốc vốn là tính từ. Vì vậy, theo chúng tôi, chỉ có tính từ mới có dạng láy. Còn danh từ và động từ thì chỉ có dạng lặp (sẽ được bàn đến ở trường hợp d) sau đây). Trong các dạng láy này thì chỉ có yếu tố gốc mang trọng âm, còn yếu tố láy không mang trọng âm. Mô hình trọng âm của những dạng láy trên là: *xinh xinh* (01), *đo đỏ* (01), *ăm ắp* (01),...

Ý nghĩa của các dạng láy này có thể nêu thành quy luật, và do đó không cần phải đưa chúng thành mục từ riêng trong từ điển để giải thích. Trong *Từ điển tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ học (Hoàng Phê chủ biên) [36], các dạng láy được để trong mục từ của yếu tố gốc, sau dấu "//" và được giải thích là "ý tăng cường" hay "ý mức độ nhiều" hoặc "ý giảm nhẹ". Thí dụ, *hút*: "Sâu, xa đến mức không thể nhìn thấy được cho đến tận cùng. *Hang sâu* hút *tối mù* // Láy: *hun hút* (ý mức độ nhiều)" [36, 608].

Có thể phân các dạng láy này thành hai trường hợp:

Thứ nhất, nếu dạng láy chứa yếu tố gốc là tính từ có ý nghĩa chỉ mức độ bình thường, trung tính (nghĩa là không cao, không thấp...), thì sự láy

lại hoàn toàn theo mô hình trọng âm (01) sẽ tạo dạng láy có ý nghĩa "chỉ mức độ hoặc cường độ thấp với thái độ của người nói là dè dặt, không khẳng định chắc chắn". Thí dụ: *xinh xinh* có nghĩa là "hơi có vẻ như là xinh". Tương tự như vậy, *trăng trắng* có nghĩa "hơi có vẻ như là trắng".

Thứ hai, nếu dạng láy chứa yếu tố gốc là tính từ có ý nghĩa chỉ mức độ cao (hoặc nhiều) thì sự láy lại hoàn toàn theo mô hình trọng âm (01) sẽ tạo thành dạng láy có ý nghĩa "chỉ mức độ cao, hoặc nhiều với thái độ của người nói là khẳng định chắc chắn". Chẳng hạn, *thẳm* vốn có nghĩa "sâu hay xa đến mức *hút tầm mắt, nhìn như không thấy đâu là cùng, là tận*" [36, 919]. Do đó khi láy hoàn toàn: *thăm thẳm* có ý nghĩa tăng cường mức độ và người nói có thái độ khẳng định chắc chắn. Thí dụ:

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

Hoặc thí dụ từ *hút* và dạng láy của nó là *hun hút* vừa được dẫn trên đây.

Trường hợp d) *luôn luôn, dần dần, thường thường*... và cả các trường hợp như: *người người, ngành ngành, gật gật, cười cười, nói nói,*... là **dạng lặp** của từ đơn, bởi vì cả hai yếu tố đều mang trọng âm (11) và ý nghĩa cả hai yếu tố hoàn toàn như nhau. Đây vốn được coi là phương thức lặp ngữ pháp để biểu hiện ý nghĩa "nhiều" (đối với danh từ), "lặp đi lặp lại có tính chất chu kì", "liên tục" (đối với vị từ, gồm động từ và tính từ). Trong các ngôn ngữ khác, phương thức lặp cũng dùng để biểu hiện ý nghĩa ngữ pháp số nhiều. Thí dụ:

Tiếng Ilakano (ở Philipin): *talon* (*cánh đồng*) -> *talon-talon* (*những cánh đồng*);

Tiếng Mã Lai: *orang* (*một người*) -> *orang-orang* (*những người*);

Trong tiếng Nga, phương thức lặp căn tố có thể được dùng để biểu hiện ý nghĩa so sánh cấp tuyệt đối của tính từ: *добрый* (*tốt bụng*), *добрый-добрый* (*tốt bụng nhất*); *большой* (*to lớn*), *большой-большой* (*to lớn nhất*).

Trường hợp e) *rầm rầm, oang oang, đoàng đoàng, choang choang,*... thì đây là những từ mô phỏng âm thanh. Còn có thể liệt kê vào đây các từ mô phỏng âm thanh khác có dạng như: *rì rào, thì thầm, rì rầm, xào xạc*... Như vậy các từ mô phỏng âm thanh trong tiếng Việt có 2 loại nhỏ: a) hai thành tố giống nhau hoàn toàn về âm thanh và ý nghĩa (cùng mô phỏng âm thanh giống nhau: *rầm rầm, oang oang, đoàng đoàng, choang choang*. Mô hình trọng âm của chúng là (11). Bởi vậy đây cũng là **dạng lặp** để chỉ "âm thanh liên tiếp); b) hai thành tố chỉ giống nhau phụ âm đầu, nguyên âm khác nhau nhưng không phải là những nguyên âm có cùng độ mở như ở các từ láy (mà xưa nay các nhà nghiên cứu thường công nhận): *rì rào, thì thầm,*

rì rầm, đùng đoàng, xào xạc,... Thực ra đây là những đơn vị gồm hai thành tố ghép lại, mỗi thành tố mô phỏng một âm thanh trầm hoặc bổng, cao hoặc thấp khác nhau. Cả hai thành tố đều mang trọng âm (11). Do đó phải coi chúng là **từ ghép đẳng lập** (chứ không phải là từ láy), dùng để mô phỏng âm thanh trầm bổng, cao thấp khác nhau, lúc rõ, lúc không. Chứng cứ là nhiều đơn vị trong số chúng cho phép có thể đảo trật tự các thành tố cấu tạo của mình: *thì thầm -> thầm thì, rì rầm -> rầm rì, xào xạc -> xạc xào,...*

Trường hợp g) xưa nay thường được các nhà nghiên cứu coi là từ láy thực sự. Do vậy chúng tôi tập trung vào chứng minh tính chất "phi từ láy" của các đơn vị này bằng cách chỉ ra nguồn gốc được tạo ra bằng phương thức ghép của chúng.

Các nhà nghiên cứu xưa nay công nhận rằng đối với từ láy âm thì phụ âm đầu của hai âm tiết thành tố là như nhau và các nguyên âm làm thành âm chính của chúng "luôn có sự luân phiên giữa những nguyên âm khác dòng và phổ biến nhất là sự luân phiên giữa những cặp nguyên âm cùng độ mở" [15, 90]. Cụ thể như sau:

Dòng / Độ mở	trước	giữa	sau
hẹp	*i*	*ư*	*u*
	iê/ ia	*ươ/ ua*	*uô/ ua*
vừa	*ê*	*ơ / â*	*ô*
rộng	*e*	*a / ă*	*o*

Thí dụ:

+ /u/ - /i/: *tủm tỉm, mũm mĩm, hú hí,...*

+ /ô/ - /ê/: *ngô nghê, hổn hển, xộc xệch,...*

+ /o/ - /e/: *cò kè, ho he, hó hé, ngót nghét,...*

Thực ra, như chúng tôi đã chứng minh, trong tiếng Việt, đặc biệt là tiếng Việt cổ, có phương thức chuyển âm hay biến âm để cấu tạo ra "ổ từ" gồm các từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa [43, 204]; [45, 260-261]. Vì vậy, các đơn vị được gọi là "từ láy âm", trong đó hai âm tiết có sự luân phiên giữa những cặp nguyên âm khác dòng cùng độ mở, rất có thể chỉ là sản phẩm của hiện tượng biến âm để tạo từ ấy mà thôi. Chẳng hạn, theo *Từ điển tiếng Việt*, *ho he* và *hó hé* có nghĩa như nhau [36, 574,575]. Cả *ho* và *hé* đều có nét nghĩa gần nhau "tỏ ra cho người khác thấy bằng tiếng "ho", hoặc lời nói hay cử chỉ...". Có thể phỏng đoán *ho he* và *hó hé* là do *ho hé* mà ra trên cơ sở đồng hoá để có thanh điệu như nhau.

Còn đối với từ láy vần thì phụ âm đầu của hai âm tiết thành tố là khác nhau, phần vần giống nhau.

Với quan điểm về từ láy như vậy, các trường hợp như những thí dụ dưới đây đã được các nhà nghiên cứu coi là "từ láy âm". Song theo sự chứng minh của chúng tôi thì tất cả chúng đều không phải là những từ láy âm, mà thực ra đó là những từ ghép gồm các âm tiết hoặc do có quan hệ ngữ âm ngẫu nhiên hoặc do quy luật đồng

hóa ngữ âm, hoặc do biến thể ngữ âm... mà có. Thí dụ:

+ *lung lay* (*lung* có thể do *rung* mà ra nhờ đồng hóa ngữ âm);

+ *thướt tha* (là từ ghép do có thể đảo được thành *tha thướt*).

Trong số 112 trường hợp từ ghép song tiết do đồng hóa ngữ âm nên có dạng giả từ láy âm mà Lê Trung Hoa nêu ở [24] thì các nguyên âm khác nhau đều không phải là có cùng độ mở. Đây thường là những kết hợp gồm 2 âm tiết đồng nghĩa có phụ âm đầu vốn không có quan hệ ngữ âm, song khi ghép với nhau chúng đồng hoá lẫn nhau, khiến các kết hợp song tiết này trở nên có hình thức giống như từ láy âm, thí dụ:

+ *nguôi ngoai* vốn do *nguôi hoai* mà ra;

+ *đồn đại* được biến đổi từ *đồn đãi* mà ra (do đồng hóa ngữ âm, *đãi* cũng có nghĩa là "đồn") [24, 32];

+ *mê mết* thực ra là từ ghép, do *mê mệt* mà ra (kết quả của hiện tượng đồng hóa ngữ âm: thanh điệu biến đổi cho cùng âm vực).

Có những trường hợp trong các kết hợp gồm 2 âm tiết đồng nghĩa này, phụ âm đầu có hình thức giống nhau chỉ là do ngẫu nhiên. Thí dụ:

+ *bợm bãi* (*bãi* vốn có nghĩa là "người lừa dối") [23, 30];

+ *tơ tưởng* (*tơ* có nghĩa là "yêu") [23, 31];

+ *rạng rỡ, rực rỡ: rỡ* là yếu tố đồng nghĩa với *rực* và *rạng* (dạng láy của *rỡ* là *rờ rỡ*) [17, 50-51];

+ *lăn lóc*: là từ ghép, vì trong tiếng địa phương Nam Bộ, *lóc* có nghĩa là "uốn mình vọt tới hay lấn tới" [39], *lóc* với nghĩa này còn được thể hiện qua tên gọi *cá lóc*, hoặc cách nói *con cá nó lóc đi nhanh quá* [23, 50];

+ *rúc ráy, rửa ráy*: đều là *từ ghép*, chứ không thể là từ láy. *Ráy* vừa đồng nghĩa với *rúc*, vừa gần nghĩa với *rửa* [17, 51];

+ *khoẻ khoắn*: *khoắn* là tiếng Trung Bộ có nghĩa như *khoẻ*;

+ *mó máy*: *máy* có nghĩa như *mó* ("cử động để làm cái gì"), thí dụ: *Đời cua cua máy, đời cáy cáy đào* (tng) [17, 50].

Đáng chú ý là kết quả nghiên cứu về "Mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các tiếng trong láy đôi (so sánh với ghép song song)" của Nguyễn Thị Hai [17] đã cho thấy rằng: "Ở các tổ hợp láy đôi hoàn toàn các tiếng đều có quan hệ đồng nghĩa. Trong các tổ hợp láy vần các tiếng có quan hệ đồng nghĩa hay gần nghĩa. Còn ở các kiểu láy âm, về mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các tiếng có nhiều biểu hiện phong phú hơn" [17, 58]. Và tác giả khẳng định "ta có thể kết luận được rằng láy đôi về thực chất cũng chính là ghép song song vì các tiếng tạo nên nó vừa có quan hệ cú pháp song song, vừa có quan hệ ngữ nghĩa tương đồng hay đối xứng" [17, 59]. Nguyễn Thị Hai cũng "hoàn toàn đồng ý với Cao Xuân

Hạo [21] khi xếp láy vào các quan hệ đẳng lập (cũng chính là tổ hợp ghép song song" [17, 59]. Song rất đáng tiếc là tác giả lại có sự nhân nhượng, không dứt khoát phủ nhận sự tồn tại của cái gọi là "từ láy" trong tiếng Việt khi cho rằng: "Nên coi láy đôi là một khu vực đặc biệt của ghép song song. Bởi vì, tuy nó có quan hệ cội nguồn với ghép song song, nhưng ... bộ mặt ngữ âm của nó quá ổn định, **tạo thành một cơ chế** (chúng tôi nhấn mạnh - NĐT), hiện tượng láy đôi lại ít nhiều có những quy tắc hoạt động riêng của mình" [17, 59]. Theo chúng tôi, các đơn vị được gọi là "từ láy" này không hề tạo thành cơ chế riêng biệt nào cả, mà vẫn thuộc cơ chế ghép nghĩa theo quan hệ đẳng lập mà thôi, khác hẳn các dạng láy của từ được tạo ra theo cơ chế láy. **Khi giữa hai âm tiết trong các kết hợp song tiết đều có nghĩa thì cần phải coi chúng là các từ ghép chính cống chứ không thể coi là từ láy. Do đó cần dứt khoát phải xếp và coi các đơn vị được gọi là "từ láy" này là từ ghép.** Điều này tất dẫn đến kết luận lô gích là trong tiếng Việt không có "từ láy". Nếu chỉ dựa vào hình thức ngữ âm bên ngoài thuần tuý, bỏ qua bản chất đích thực của các đơn vị mà cứ khẳng định các đơn vị từ vựng ghép này là từ láy thì chính là đã lẫn lộn giữa hai bình diện nhận thức và bản thể của đối tượng được nghiên cứu, là mắc sai lầm về phương diện triết học coi hình thức quyết định nội dung...

Ngoài trường hợp các từ tưởng là từ láy âm, nhưng thực chất là từ ghép hai yếu tố vừa có quan hệ đồng nghĩa, vừa có sự giống nhau ngẫu nhiên về ngữ âm như trên, trong tiếng Việt còn có nhiều trường hợp các từ tưởng là từ láy âm, nhưng thực ra lại là do ghép hai âm tiết biến thể: cùng phụ âm đầu kết hợp với hai biến thể ngữ âm của phần vần, chẳng hạn: *xuê xoa* (- *oa* -> *-uê* trong trường hợp: *hoa* -> *huê*), nên *xuê* là do biến âm của *xoa* mà ra; tương tự ta còn có *xuề xoà, nhuế nhoá*...

Đối với loại đơn vị được coi là "từ láy vần", theo thống kê của Nguyễn Thiện Giáp thì "khoảng 1/2 tổng số đơn vị láy kiểu này có âm đầu là /l/ ở từ láy lại" [15, 89]. Tác giả giải thích hiện tượng này như sau: "Rất có thể vì /l/ là một phụ âm bên, đối lập với tất cả các phụ âm còn lại" [15, 89]. Đây là hiện tượng hết sức đáng chú ý. Dưới đây chúng tôi sẽ lí giải về hiện tượng này hoàn toàn khác với cách lí giải của Nguyễn Thiện Giáp.

Theo cứ liệu của Đỗ Hữu Châu [6, 42-43], có thể thấy thường gặp các từ láy vần có những cặp âm đầu được các nhà nghiên cứu gọi là "đối xứng nhau" như: cặp *l - nh* (*lí nhí, lắt nhắt*,...); cặp *l - c* (*k/q*) (*lúng cúng, luẩn quẩn*,...); cặp *l - th* (*lơ thơ, lẩn thẩn*,...); cặp *l - t* (*lúng túng, lè tè*,...); cặp *b - nh* (*bầy nhầy, bằng nhằng*...); *c* (*k/q*) *- nh* (*càu nhàu, kèm nhèm*,...); cặp *c* (*k/q*) *- r* (*co ro, kè rè*,...). Theo số liệu thống kê của Đỗ Hữu Châu, sản phẩm của cơ chế láy này được tạo ra trong mỗi trường hợp chỉ có một số đơn vị rất

ít ỏi, một vài đơn vị (thậm chí chỉ có một đơn vị, thí dụ: *h - t*, như: *hấp tấp*; *x - l*: *liểng xiểng* [6, 42-43], thực ra *liểng xiểng* là từ ghép vì có thể đảo: *xiểng liểng*...). Nếu coi đây là cơ chế để tạo từ láy thì thật đáng nghi ngờ, bởi vì nếu đã là cơ chế tạo từ thì phải tạo ra hàng loạt rất nhiều đơn vị như nhau khi cơ chế này cùng tác động đến các yếu tố gốc có tính chất từ vựng - ngữ pháp như nhau. Song thực tế, như đã nêu ở trên, lại không phải như vậy.

Chúng tôi nhận thấy rằng, rất dễ dàng có thể truy tìm được nguồn gốc của cấu tạo theo phương thức ghép của các từ vốn xưa nay được coi là từ láy vần mà có sự đối xứng các phụ âm đầu như đã nêu trên, trong đó đặc biệt với phụ âm đầu /l/. Khác với cách lí giải của Nguyễn Thiện Giáp, theo chúng tôi, **sự đối xứng phụ âm đầu của các âm tiết trong các đơn vị được coi là từ láy vần ấy chính là vết tích của một số tổ hợp phụ âm đầu (gọi là phụ âm kép) trong âm tiết của tiếng Việt cổ**, trong đó thành tố đứng trước là một phụ âm, còn thành tố đứng sau là /l/ hoặc /r/ như: /bl/, /ml/, /cl/, /tl/, /t'l/, /br/, /cr/,... Về vấn đề này, trong công trình *Một vài vấn đề nghiên cứu so sánh - lịch sử nhóm ngôn ngữ Việt - Mường* mới xuất bản năm 2011, Trần Trí Dõi đã chứng minh và xác nhận rằng: "Trong danh sách nói trên (tức danh sách âm đầu được tái lập của tiếng tiền Việt - Mường - NĐT) không có các tổ hợp phụ âm kiểu CC có chức năng làm âm đầu của âm tiết chính (...). Để giải thích cho hiện tượng này, người ta có thể lí giải rằng những tổ hợp phụ âm kiểu /pr/, /kl/, /bl/, v.v. như thế chỉ có thể thấy có ở thời kì hay giai đoạn về sau của các ngôn ngữ Việt - Mường. Chúng chính là hệ quả của sự đơn tiết hoá sau này của tình trạng song tiết tiền Việt - Mường. Tình trạng mà **các tổ hợp phụ âm chủ yếu gồm các yếu tố thứ nhất là vô thanh (gồm /p, t, c, k, s, h/, trừ trường hợp /ml/ sau này) và yếu tố thứ hai chỉ là âm rung hay lỏng /r, l/** (chúng tôi nhấn mạnh - NĐT) đã phần nào chứng minh cho khả năng ấy'' [12, 272]. Về sau phụ kép này biến đổi theo những hướng: hoặc rụng thành tố đầu, hoặc rụng thành tố /l/, hoặc cả hai thành tố ấy nhập lại tạo thành một phụ âm đơn, kiểu: *tl -> /l/, /t/, /ʈ/; *bl -> /b/, /l/, /z/; *ml -> /l/, /m/, /ɲ/; v.v.. Theo đó, các âm đầu này vẫn kết hợp với cùng bộ phận vần, tạo thành những biến thể ngữ âm khác nhau. Nguyễn Quang Hồng, trong [25, 274], cũng đã dẫn nhiều bài viết của các tác giả khác xác nhận các xu hướng biến đổi như vừa nêu của các phụ âm kép này trong âm tiết tiếng Việt cổ. Các âm đầu vốn là những biến thể này vẫn kết hợp với cùng phần vần của âm tiết, tạo ra những âm tiết mới với tư cách là những biến thể ngữ âm của cùng một âm tiết gốc cổ. Do đó, **các kết hợp song tiết tưởng là từ láy vần như vậy thực ra là do hai biến thể ngữ âm của cùng một âm tiết gốc đã được ghép lại với nhau theo quan hệ đẳng lập** mà tạo thành, để chúng trở nên quen thuộc, rộng rãi

hơn, dễ hiểu hơn và có giá trị ngữ nghĩa mới đối với người sử dụng ngôn ngữ (kiểu như trường hợp các kết hợp từ vựng gồm hai yếu tố đồng nghĩa, một là thuần Việt, một là từ ngôn ngữ dân tộc thiểu số: *gà qué, tre pheo, chó má,*...).

Một câu hỏi đặt ra là nếu thế thì tại sao trong các kết hợp song tiết vốn là hai biến thể ngữ âm của một âm tiết cổ ấy, âm tiết có phụ âm đầu là /l/ thường hay đứng trước, thí dụ: *linh kinh, lúng túng, lẩm nhẩm, lè nhè, luộm thuộm, lòng thòng, lò cò,*...?

Theo ý kiến của chúng tôi, trong hai xu hướng biến đổi của phụ âm kép trong âm tiết tiếng Việt cổ nêu trên, xu hướng rơi rụng bớt một trong hai phụ âm là xu hướng biến đổi đơn giản hơn nên dễ xảy ra trước. Xu hướng hoà nhập hai phụ âm thành một phụ âm đơn khác phức tạp hơn, đòi hỏi phải có một quá trình, nên diễn ra muộn hơn. Do vậy âm tiết có phụ âm đầu là /l/ có trước về mặt lịch sử so với âm tiết có phụ âm đầu không phải /l/. Đó có thể là lí do vì sao trong các kết hợp song tiết gồm hai biến thể ngữ âm của một âm tiết cổ, âm tiết có phụ âm đầu là /l/ thường hay đứng trước.

Dưới đây là những thí dụ về sự biến đổi của các phụ âm kép trong tiếng Việt cổ thể hiện khả năng vừa nói ở trên.

1) Kiểu xử lí thứ nhất: /l/ + vần (yếu tố đứng trước bị rụng đi). thí dụ: Việt cổ: /*mlời/, *Từ điển Việt Bồ La* (VBL) [39]: *mlời* -> Việt hiện nay: *lời* (trong "lời lẽ"); Mường: /tlời/lơi/, Việt cổ: /*blời/tlơi/, VBL: *blời* -> Việt hiện nay: *lời* (trong "đức Chúa lời"); Mường: /laich/, Việt cổ: /*mlạt/, VBL: *mlạt* -> Việt hiện nay: *lạt* (trong "canh lạt");...

2) Kiểu xử lí thứ hai: Yếu tố thứ nhất + vần (yếu tố /l/ bị rụng đi). Thí dụ: Việt cổ: /*mlời/, VBL: *mlời* -> Việt hiện nay: *mời* (trong "ăn có mời" đồng nghĩa với "ăn có lời"); Mường: /tlời/lơi/, Việt cổ: /*blời/tlơi/, VBL: *blời* -> Việt hiện nay: *bời/tời* ("bời" trong "đức Chúa bời", hay "đức Chúa tời" ở thổ ngữ Ninh Bình); Việt cổ: /*tle/, VBL: *tle* -> Việt hiện nay: *te* ("cây te" (cây tre) ở một số thổ ngữ Thái Bình, Nam Định); Mường: /tlắng/, Việt cổ: /*tlắng/, VBL: *tláng* -> Việt hiện nay: *tắng* ("màu tắng" (màu trắng) ở một số thổ ngữ Thái Bình, Nam Định),...

3) Kiểu xử lý thứ ba: Tổ hợp hai yếu tố của phụ âm hoà kết biến thành một phụ âm đơn khác. Thí dụ: Việt cổ: /*mlời/, VBL: *mlời* -> Việt hiện nay: *nhời* (trong "có lời/có nhời"); Mường: /tlời/lơi/, Việt cổ: /*blời/tlơi/, VBL: *blời* -> Việt hiện nay: *giời/trời*; Mường: /tlu/, Việt cổ: /*tlu/, VBL: *tlâu* -> Việt hiện nay: *trâu*;...

Do vậy, rất có thể, các trường hợp vốn được coi là từ láy vần loại này thực chất chỉ là sự ghép đẳng lập của hai âm tiết vốn là những biến thể ngữ âm được tạo ra từ các biến thể của âm đầu kết hợp với cùng phần vần trong cùng một âm tiết gốc mà thôi. Chẳng hạn:

+ Cặp *l - nh/ (m/tr)*, thí dụ: **mlảm -> lảm* và *nhảm*, do đó có *lảm nhảm*; tương tự **mlẩm -> lẩm* và *nhẩm*, nên có *lẩm nhẩm*...; **mlò -> lò* và *mò* nên có *lò mò*; **mlè -> lè* và *nhè*, do đó có *lè nhè*; **mlanh -> lanh* và *tr/ chanh*, nên có *lanh tr/chanh*; **mlắt -> lắt* và *nhắt*, nên có *lắt nhắt*; ** blàn -> lan* và *tràn*, do đó có *lan tràn* hay *tràn lan*,...

+ Cặp *b/m - l/(nh/tr)*, thí dụ: **blùng -> lùng, bùng* và *nhùng*, nên có *lùng bùng, bùng nhùng*; **mlung -> mung* và *lung*, do đó có *mung lung* hay *lung mung*; **mláng -> láng, máng* và *nháng*, nên có *láng máng, láng nháng*;...

+ Cặp *th/t - l*, thí dụ: **t'luồng -> thuồng* và *luồng*, nên có *thuồng luồng*; **t'lia -> thia* và *lia*, nên có *thia lia*; **t'loi -> thoi* và *loi*, do đó có *thoi loi*;...

+ Cặp *l/r – c (k)*, thí dụ: **klò -> lò* và *cò* nên có *lò cò*; **klông -> lông* và *công*, do đó có *lông công*; **klanh-> lanh* và *canh*, do đó có *lanh canh*; **kro -> co* và *ro* nên có *co ro*;...

Ngoài ra còn có những trường hợp tưởng là từ láy âm, song thực ra đó lại là những cấu tạo ghép theo lối loại suy. Chẳng hạn, từ tính từ *nhớp nhúa*, có nhà văn đã tạo ra tính từ mới *nhám nhúa*: "Mấy tiếng nổ chói óc hất cát bụi lên những khuôn mặt *nhám nhúa*" (Văn nghệ Quân đội, 3/1976, tr.108).

Tương tự, dựa theo từ mẫu *rau ráu* trong ngôn ngữ toàn dân, nhà văn Hồ Phương tạo ra từ mới *gau gáu*: "*Gã công tử bột vẫn xán ở bên cạnh ả, mồm vừa nhai* gau gáu *cỏ, mắt vừa liếc sang lem lém*" (Hồ Phương, *Cỏ non*, tr. 91).

Hoặc từ cùng khuôn mẫu *-ì -ầm*, có thể tạo ra các đơn vị mới bằng cách ghép một số phụ âm đầu khác nhau: *thì thầm, rì rầm, sì sầm*...; từ khuôn vần mẫu *-âp -ênh*, có thể tạo ra: *bấp bênh, cập kênh, tập tễnh, bập bềnh*,...

(Còn nữa)

.....

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn GS.TS Trần Trí Dõi đã cung cấp thêm cho chúng tôi một số cứ liệu về diễn biến ngữ âm học lịch sử trong tiếng Việt cổ.